

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 40/2018/DS-ST
Ngày: 08/11/2018
V/v tranh chấp hợp đồng dân
sự, vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Ngọc Tiền.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Huỳnh Xuân Thủy;
2. Ông Trần Thanh Huy.

- Thư ký phiên tòa: Ông Võ Đại Nam, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Lưu Tiến Dũng, Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 91/2018/TLST - DS ngày 11/7/2018 về việc “*Tranh chấp hợp đồng dân sự, vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 130/2018/QĐXXST-DS ngày 22 tháng 10 năm 2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng TV (TV bank); địa chỉ: số 89 Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: ông Q, sinh năm 1995; Chức vụ: Chuyên viên 1 xử lý nợ - Công ty TNHH quản lý tài sản Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng (Giấy ủy quyền số 21932/2018/UQ-VPB ngày 08/9/2018), có mặt.

Bị đơn: Ông Nguyễn Đăng K, sinh năm 1983; nơi cư trú: số B, tổ M, khóm B, phường D, thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang, vắng mặt (có yêu cầu xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, bản tự khai của nguyên đơn, ý kiến đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn tại phiên tòa trình bày: Ngân hàng TV (sau đây viết tắt là Ngân hàng) với ông Nguyễn Đăng K có ký kết các hợp đồng tín dụng, nội dung

Ngân hàng cho ông K vay theo hình thức tín chấp, mục đích vay tiêu dùng, phương thức thanh toán trả dần lãi và gốc hàng tháng, cụ thể như sau:

- Hợp đồng tín dụng số 3822101(LD1518000246) (sau đây gọi tắt là hợp đồng tín dụng số 38), ông K vay 80.000.000 đồng, thời hạn vay 48 tháng, lãi suất 2.5%/tháng (30%/năm), lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn, giải ngân ngày 29/6/2015. Sau khi vay, ông K đã trả cho Ngân hàng với tổng số tiền 73.563.809 đồng (trong đó nợ gốc 43.998.890 đồng, nợ lãi 29.564.919 đồng) và ngưng trả vốn lãi từ ngày 30/5/2017 cho đến nay. Tính đến ngày 08/11/2018, ông K còn nợ Ngân hàng số tiền 54.847.275 đồng, trong đó nợ vốn gốc 36.001.110 đồng, nợ lãi 18.846.165 đồng (nợ lãi trong hạn 12.258.462 đồng, nợ lãi quá hạn 6.587.703 đồng).

- Hợp đồng tín dụng số 7868274 (LD1617300721) (sau đây gọi tắt là hợp đồng tín dụng số 78), ông K vay 25.000.000 đồng, thời hạn vay 36 tháng, lãi suất 2.25%/tháng (27%/năm), lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn, giải ngân ngày 21/6/2016. Sau khi vay, ông K trả cho Ngân hàng được 11.228.733 đồng (trong đó nợ gốc 5.536.303 đồng, nợ lãi 5.692.430 đồng) và ngưng trả vốn lãi từ ngày 27/5/2017 cho đến nay. Tính đến ngày 08/11/2018, ông K còn nợ Ngân hàng số tiền 31.249.488 đồng, trong đó nợ vốn gốc 19.463.697 đồng, nợ lãi 11.785.791 (nợ lãi trong hạn 7.898.891 đồng, nợ lãi quá hạn 3.886.900 đồng).

- Hợp đồng thẻ tín dụng số 325-P-797333 (sau đây gọi tắt là hợp đồng thẻ tín dụng), mở ngày 05/12/2015, ông K vay 16.000.000 đồng, lãi suất 2.99%/tháng (35.88%/năm), lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Sau khi nhận thẻ từ ngày 14/12/2015 đến ngày 03/11/2016), ông K đã rút tiền tại Phòng thẻ ATM Ngân hàng TV – Phòng giao dịch Châu Đốc 09 lần với số tiền 21.490.000 đồng Ông K đã trả cho Ngân hàng số tiền gốc, lãi 16.422.000 đồng. Tính đến ngày 08/11/2018, ông K còn nợ Ngân hàng số tiền 23.003.047 đồng, trong đó vốn gốc 12.791.338 đồng và nợ lãi 10.211.709 đồng (lãi trong hạn 6.807.806 đồng, lãi quá hạn 3.403.903 đồng).

Quá trình thực hiện hợp đồng, ông K vi phạm nghĩa vụ thanh toán vốn gốc và lãi nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông K có trách nhiệm trả số nợ 109.099.810 đồng (trong đó vốn gốc 68.256.145 đồng và nợ lãi 40.843.665 đồng) tính đến ngày 08/11/2018, đồng thời yêu cầu tiếp tục tính lãi cho đến khi thanh toán xong nợ vay với lãi suất theo thỏa thuận của hợp đồng tín dụng.

Tài liệu, chứng cứ nguyên đơn cung cấp để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện gồm Đơn đề nghị mở tài khoản, phát hành thẻ ghi nợ, vay vốn kèm hợp đồng tín dụng ngày 23/6/2015; Giấy đăng ký mở và sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ, dịch vụ ngân hàng điện tử và vốn vay ngày 16/6/2016; Giấy đề nghị phát hành thẻ kèm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế ngày 30/11/2015 và Bản chiết tính lãi các Hợp đồng tín dụng đến ngày 08/11/2018.

- Theo lời khai cung cấp trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Nguyễn Đăng K khai, thống nhất về việc có ký kết hợp đồng tín dụng với Ngân

hàng TV để vay tiền. Thống nhất về thời gian vay, lãi suất vay, mục đích vay, phương thức thanh toán trả dần nợ gốc và lãi vào mỗi tháng. Tuy nhiên, đối với khoản vay thẻ tín dụng, ông K không nhớ đã rút bao nhiêu tiền nhưng đã đóng lãi được khoảng 05 lần với số tiền 3.450.000 đồng (690.000 đồng/lần/tháng x 5) và còn nợ vốn gốc 12.791.338 đồng.

Ông K xác định tính đến ngày 11/9/2018 còn nợ Ngân hàng tổng số tiền vốn gốc và lãi là 104.564.415 đồng (trong đó vốn gốc 68.256.145 đồng, nợ lãi 36.308.270 đồng) và xin được trả dần mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi dứt nợ.

Tài liệu, chứng cứ ông K cung cấp gồm thẻ tín dụng Ngân hàng TV số thẻ 5203.9930.1072 mang tên Nguyễn Đăng K, mở ngày 05/12/2015.

Tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đã trình bày tại giai đoạn chuẩn bị xét xử.

- Ý kiến của Kiểm sát viên:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký trong thời gian chuẩn bị xét xử đúng pháp luật. Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án tại phiên tòa đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 về xét xử sơ thẩm vụ án.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật. Bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt phù hợp tại Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về giải quyết vụ án: Theo đơn khởi kiện cũng như lời trình bày của đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn và các hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp cũng như đối chiếu với lời khai của bị đơn ông Nguyễn Đăng K. Thấy rằng, bị đơn có ký 03 hợp đồng tín dụng để vay số tiền vốn gốc của Ngân hàng TV với tổng số là 121.000.000 đồng. Quá trình vay ông K có thực hiện việc trả vốn, tiền lãi hàng tháng nhưng đến tháng 5 năm 2017 thì ngưng không trả tiền lãi và không thanh toán vốn vay khi đến hạn là vi phạm nghĩa vụ của người vay tài sản. Do đó, căn cứ Điều 463, 468 Bộ luật dân sự 2015, Điều 95 luật tổ chức tín dụng. Nguyên đơn khởi kiện là có căn cứ chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về tố tụng:

[1] *Thẩm quyền:* Nguyên đơn khởi kiện tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản với bị đơn là ông Nguyễn Đăng K có nơi cư trú tổ M, khóm B, phường D, thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang nên thuộc thẩm quyền giải quyết của

Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] *Về sự vắng mặt của đương sự*: Bị đơn đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và có yêu cầu xét xử vắng mặt nên căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

Về nội dung:

[3] Hợp đồng tín dụng giữa Ngân hàng TV và ông K được giao kết trên cơ sở tự nguyện, hình thức và nội dung hợp đồng không trái quy định của pháp luật nên phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên theo hợp đồng.

[4] Về vốn vay: Căn cứ đơn đề nghị mở tài khoản, phát hành thẻ ghi nợ, vay vốn kèm hợp đồng tín dụng ngày 23/6/2015 (hợp đồng tín dụng số 3822101(LD1518000246)), Giấy đăng ký mở và sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ, dịch vụ ngân hàng điện tử và vốn vay ngày 16/6/2016 (hợp đồng tín dụng số 7868274 (LD1617300721)), Giấy đề nghị phát hành thẻ kèm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế ngày 30/11/2015 (Hợp đồng thẻ tín dụng số 325-P-797333) cùng biên bản ghi lời khai ông K ngày 08/10/2018.

Thấy rằng, giữa Ngân hàng và ông K có giao kết các hợp đồng tín dụng để ông K vay tổng cộng 121.000.000 đồng (80.000.000 đồng + 25.000.000 đồng + 16.000.000 đồng) của Ngân hàng theo hình thức tín chấp và trả dần vốn gốc và lãi hàng tháng. Quá trình vay, ông K đã thanh toán vốn vay với số tiền 52.743.855 đồng. Đến kỳ trả vốn vay vào tháng 5 năm 2017 thì ông K ngưng trả vốn vay theo thỏa thuận nên đã vi phạm nghĩa vụ của bên vay. Do đó, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông K có trách nhiệm trả vốn vay là phù hợp với quy định tại Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015, xét chấp nhận.

[5] Về tiền lãi: Bị đơn thừa nhận từ khi vay có trả tiền lãi hàng tháng cho Ngân hàng đối với 03 khoản vay như theo đơn khởi kiện của Ngân hàng. Đến tháng 5 năm 2017 thì ngưng trả tiền lãi là phù hợp với bản sao kê tài khoản thẻ (BL 89-101) do Ngân hàng cung cấp. Do đó, Ngân hàng yêu cầu ông K trả số tiền lãi 40.843.665 đồng theo bảng kê chiết tính lãi suất do Ngân hàng cung cấp là phù hợp với khoản 2 Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng, xét chấp nhận.

[6] Buộc bị đơn phải có trách nhiệm trả vốn gốc và lãi cho nguyên đơn, cụ thể:

+ Đối với hợp đồng tín dụng số 3822101(LD1518000246), vốn gốc 36.001.110 đồng, tiền lãi được tính từ ngày 30/5/2017 đến ngày 08/11/2018 là 18.416.165 đồng (trong đó nợ lãi trong hạn 12.258.462 đồng, nợ lãi quá hạn 6.587.703 đồng).

+ Đối với hợp đồng tín dụng số 7868274 (LD1617300721), vốn gốc 19.463.697 đồng, tiền lãi được tính từ ngày 27/5/2017 đến 08/11/2018 là 11.785.791 (trong đó lãi trong hạn 6.807.806 đồng, lãi quá hạn 3.403.903 đồng).

+ Đối với hợp đồng thẻ tín dụng số 325-P-797333, vốn gốc 12.791.338 đồng, tiền lãi được tính từ 23/5/2017 đến ngày 08/11/2018 là 10.211.709 đồng (trong đó lãi trong hạn 6.807.806 đồng, lãi quá hạn 3.403.903 đồng).

Tổng cộng bị đơn phải trả cho nguyên đơn vốn gốc 68.256.145 đồng và lãi 40.843.665 đồng.

“Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm bị đơn còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của ngân hàng cho vay”.

Về phương thức thanh toán bị đơn xin được trả dần mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi dứt nợ nhưng không được nguyên đơn đồng ý, xét không chấp nhận. Tuy nhiên, phương thức thanh toán sẽ được xem xét ở giai đoạn thi hành án.

[7] Về án phí, bị đơn có trách nhiệm trả vốn và lãi tổng cộng 109.099.810 đồng nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 5.454.991 (năm triệu bốn trăm năm mươi bốn nghìn chín trăm chín mươi một) đồng.

Nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ yêu cầu kiện nên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả tạm ứng án phí cho nguyên đơn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 463, Điều 466, Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; các Điều 147, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

[1] Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TV.

- Buộc ông Nguyễn Đăng K có trách nhiệm trả cho Ngân hàng TV vốn gốc và lãi 109.099.810 (một trăm lẻ chín triệu không trăm chín mươi chín nghìn tám trăm mười) đồng, trong đó vốn gốc là 68.256.145 (sáu mươi tám triệu hai trăm năm mươi sáu nghìn một trăm bốn mươi lăm) đồng và tiền lãi là 40.843.665 (bốn mươi triệu tám trăm bốn mươi ba nghìn sáu trăm sáu mươi lăm) đồng, cụ thể:

+ Đối với hợp đồng tín dụng số 3822101(LD1518000246), vốn gốc 36.001.110 (ba mươi sáu triệu không trăm lẻ một nghìn một trăm mười) đồng, tiền lãi được tính từ ngày 30/5/2017 đến ngày 08/11/2018 là 18.416.165 (mười

tám triệu bốn trăm mười sáu nghìn một trăm sáu mươi lăm) đồng (trong đó nợ lãi trong hạn 12.258.462 đồng, nợ lãi quá hạn 6.587.703 đồng).

+ Đối với hợp đồng tín dụng số 7868274 (LD1617300721), vốn gốc 19.463.697 (mười chín triệu bốn trăm sáu mươi ba nghìn sáu trăm chín mươi bảy) đồng, tiền lãi được tính từ ngày 27/5/2017 đến 08/11/2018 là 11.785.791 (mười một triệu bảy trăm tám mươi lăm nghìn bảy trăm chín mươi một) đồng (trong đó lãi trong hạn 6.807.806 đồng, lãi quá hạn 3.403.903 đồng).

+ Đối với hợp đồng thẻ tín dụng số 325-P-797333, vốn gốc 12.791.338 (mười hai triệu bảy trăm chín mươi một nghìn ba trăm ba mươi tám) đồng, tiền lãi được tính từ 23/5/2017 đến ngày 08/11/2018 là 10.211.709 (mười triệu hai trăm mười một nghìn bảy trăm lẻ chín) đồng (trong đó lãi trong hạn 6.807.806 đồng, lãi quá hạn 3.403.903 đồng).

“Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm bị đơn còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của ngân hàng cho vay”.

[2] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Nguyễn Đăng K phải chịu 5.454.991 (năm triệu bốn trăm năm mươi bốn nghìn chín trăm chín mươi một) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Ngân hàng TV không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả lại cho Ngân hàng 2.428.000 (hai triệu bốn trăm hai mươi tám nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai 0007429 ngày 11 tháng 7 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Châu Đốc.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, Ngân hàng TV có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

Riêng thời hạn kháng cáo của ông Nguyễn Đăng K là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát TPCĐ (2);
- Tòa án tỉnh An Giang (1);
- Thi hành án DS TPCĐ (1);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ (1),
- Lưu văn phòng (1).

TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Ngọc Tiên